



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AIC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009**

MỤC LỤC

TRANG

|                                      |        |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 2      |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN                    | 3      |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4      |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5      |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 6      |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 7 - 11 |

200  
ÔN  
NH  
OÁ  
ÀI  
XU

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ AIC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

|                          |              |
|--------------------------|--------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân | Chủ tịch     |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh      | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Khánh Vân      | Thành viên   |

**Ban Tổng Giám đốc:**

|                       |               |
|-----------------------|---------------|
| Ông Trương Tuấn Nghĩa | Tổng Giám đốc |
|-----------------------|---------------|

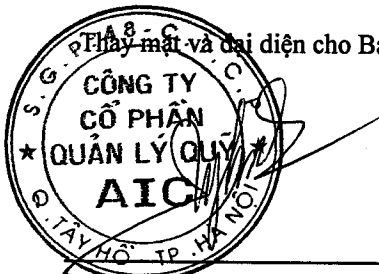
**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**Trương Tuấn Nghĩa**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010



Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Trụ sở chính:

P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1

Trung hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel : (84 4) 62 811-488

Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail : contact@ifc-acagroup.vn

Website: www.ifc-acagroup.vn

Số: 1622/2010/BCKT/IFC-ACAGroup1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về: Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ AIC

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ AIC

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ AIC (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế trong phạm vi kiểm toán**

Do chúng tôi được Công ty bổ nhiệm kiểm toán sau khi Công ty đã thực hiện kiểm kê cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, nên chúng tôi không thể tham gia quan sát việc kiểm kê tiền của Công ty tại thời điểm cuối năm. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền cũng như ảnh hưởng của khoản mục này đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế về phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Lê Xuân Thắng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

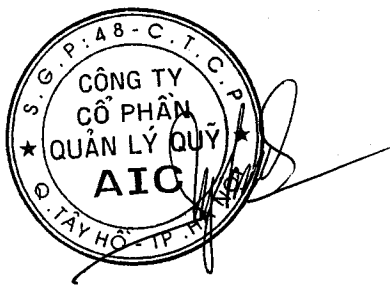


Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU 01 - CTQ**  
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2009            | 01/02/2009 |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------|
|   |            |             |                       |            |
| <b>A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>                           | <b>100</b> |             | <b>462.212.209</b>    | <b>-</b>   |
| I Tiền và tương đương tiền                            | 110        | 5           | 462.212.209           | -          |
| 1. Tiền mặt tại quỹ                                   | 111        |             | 457.495.200           | -          |
| 2. Tiền gửi Ngân hàng                                 | 112        |             | 4.717.009             | -          |
| <b>B - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>          | <b>200</b> |             | <b>23.615.800.000</b> | <b>-</b>   |
| I Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác | 230        | 6           | 23.615.800.000        | -          |
| 1. Đầu tư chứng khoán                                 | 231        |             | 23.615.800.000        | -          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                              | <b>270</b> |             | <b>24.078.012.209</b> | <b>-</b>   |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                      |            |             |                       |            |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>24.078.012.209</b> | <b>-</b>   |
| I - Nguồn vốn   | 410        | 7           | 24.078.012.209        | -          |
| 1. Nguồn vốn kinh doanh                               | 411        |             | 25.000.000.000        | -          |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối                           | 417        |             | (921.987.791)         | -          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                            | <b>430</b> |             | <b>24.078.012.209</b> | <b>-</b>   |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>        |            |             |                       |            |
| Chỉ tiêu  | Mã số      |             | 31/12/2009            | 01/02/2009 |
| 1. Chứng khoán theo mệnh giá (VND)                    | 005        |             | 23.615.800.000        | -          |



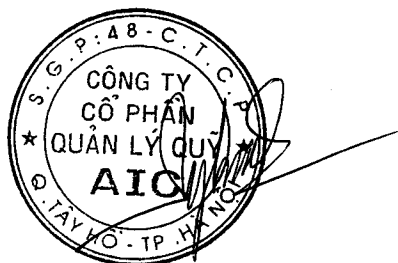
Trương Tuấn Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Đỗ Văn Sơn  
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU 02 - CTQ  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                   | Mã số | Thuyết minh | Kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009<br>đến ngày 31/12/2009 |
|--|-------|-------------|--|
| 1. Doanh thu hoạt động kinh doanh          | 1     |             | -  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu            | 2     |             | -  |
| 3. Doanh thu thuần                         | 10    |             | -  |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh            | 11    |             | -  |
| 5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh   | 12    |             | -  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính           | 13    | 8           | 3.827.009  |
| 7. Chi phí tài chính                       | 14    |             | -  |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 15    |             | 925.814.800  |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 16    |             | (921.987.791)  |
| 10. Thu nhập khác                          | 17    |             | -  |
| 11. Chi phí khác                           | 18    |             | -  |
| 12. Lợi nhuận khác                         | 19    |             | -  |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế      | 20    |             | (921.987.791)  |
| 14. Thuế TNDN phải nộp                     | 21    |             | -  |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN                | 22    |             | (921.987.791)  |



Trương Tuấn Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Đỗ Văn Sơn  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009

Mẫu 03 - CTQ  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009 |
|---|-------|---|
| <b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>            |       |   |
| Tiền trả cho người cung cấp                                 | 06    | (360.000.000)                                       |
| Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước       | 08    | (2.000.000)   |
| Tiền trả cho cán bộ công nhân viên                          | 09    | (563.704.800)                                       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                      | 11    | (110.000)   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>        | 30    | <i>(925.814.800)</i>                                |
| <b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>               |       |   |
| Tiền đầu tư chứng khoán                                     | 33    | (23.615.800.000)                                    |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>            | 40    | <i>(23.615.800.000)</i>                             |
| <b>III LƯU CHUYỂN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>          |       |   |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 41    | 25.000.000.000                                      |
| Tiền thu khác từ hoạt động tài chính                        | 47    | 3.827.009   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>         | 50    | <i>25.003.827.009</i>                               |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>                      | 60    | <i>462.212.209</i>                                  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                            | 70    | -   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ     | 80    | -   |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                           | 90    | 462.212.209   |



Trương Tuấn Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Đỗ Văn Sơn  
Kế toán trưởng

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ AIC (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép số 48/UBCK-PG do Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 22 tháng 1 năm 2009.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 75, Đường Âu Cơ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

### **Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

### **Tổng số nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 08 người.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Áp dụng Chuẩn mực và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Đối với số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỉ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản này được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại thông tư nói trên của Bộ tài chính có sự khác biệt căn bản với những quy định hiện hành của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

**Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi 03 (ba) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ không được trích lập dự phòng do không đủ căn cứ để đánh giá lại.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                            | Năm 2009<br>(Số năm) |
|----------------------------|----------------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 3                    |
| Thiết bị văn phòng         | 3                    |
| Phương tiện vận tải        | 10                   |

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch chứng khoán được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                    | 31/12/2009<br>VNĐ  | 1/2/2009<br>VNĐ |
|--------------------|--------------------|-----------------|
| Tiền mặt           | 457.495.200        | -               |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.717.009          | -               |
| Cộng               | <u>462.212.209</u> | <u>-</u>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AIC**

Số 75, Đường Âu Cơ, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU 09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

|                                  | 31/12/2009            | 1/2/2009 |
|----------------------------------|-----------------------|----------|
|                                  | VND                   | VND      |
| Công ty Cổ phần Bất động sản AIC | 23.615.800.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>23.615.800.000</b> | <b>-</b> |

**7. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a/ Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

|                             | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-----------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/02/2009        | -                                   | -                                  | -                     |
| Nhận vốn góp trong kỳ       | 25.000.000.000                      | -                                  | 25.000.000.000        |
| Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ     | -                                   | (921.987.791)                      | (921.987.791)         |
| <b>Số dư tại 31/12/2009</b> | <b>25.000.000.000</b>               | <b>(921.987.791)</b>               | <b>24.078.012.209</b> |

*b/ Tình hình góp vốn các cổ đông*

| Đối tượng                       | Giấy phép đăng ký kinh doanh |                       |             | Vốn đã góp<br>đến 31/12/2009<br>VND |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------------------------|
|                                 | Số cổ phần                   | Số tiền<br>VND        | %           |                                     |
| Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế | 200.000                      | 2.000.000.000         | 8%          | 2.000.000.000                       |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân        | 1.175.000                    | 11.750.000.000        | 47%         | 11.750.000.000                      |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh             | 250.000                      | 2.500.000.000         | 10%         | 2.500.000.000                       |
| Bà Nguyễn Thị Khánh Vân         | 125.000                      | 1.250.000.000         | 5%          | 1.250.000.000                       |
| Ông Nguyễn Anh Dũng             | 750.000                      | 7.500.000.000         | 30%         | 7.500.000.000                       |
| <b>Cộng</b>                     | <b>2.500.000</b>             | <b>25.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>25.000.000.000</b>               |

**8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|              | Kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009<br>đến ngày 31/12/2009<br>VND |
|--------------|---|
| Lãi tiền gửi | 3.827.009   |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.827.009</b>  |

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Tại ngày 15 tháng 01 năm 2010, Hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư số 12/2010/AICHD-QLDM ký giữa Công ty Cổ phần Tiền bộ Quốc tế và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ AIC, theo đó, danh mục đầu tư bao gồm các loại tài sản sau: Chứng khoán vốn (bao gồm cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết); Chứng khoán nợ (trái phiếu Chính phủ, địa phương và trái phiếu Công ty...); Vốn không cam kết sẽ được quản lý dưới dạng tiền gửi không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn tại các ngân hàng tại Việt Nam. Công ty đã ký hợp đồng lưu ký số 01.01/BIDV.HTH-QLQAIC/2010 ngày 22 tháng 01 năm 2010 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành về việc cung cấp các dịch vụ lưu ký trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư với Công ty Cổ phần Tiền bộ Quốc tế.

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2009 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2009, do đó, không có số liệu so sánh của năm trước.

